TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HS-ST
Ngày: 26/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Đỗ Thị Xuyến;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Đức Bình,

2. Ông Nguyễn Văn Nhòng.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Kim Liên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Nguyện – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2017/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Hoàng Ngọc A, sinh ngày 13/12/1998 tại Hải Phòng; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; con ông Hoàng Văn T (đã chết) và bà Đoàn Thị G, sinh năm 1979; có vợ là Vũ Thị Minh H, sinh năm 1999 và 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 18/01/2017 đến ngày 24/01/2017 chuyển tạm giam đến nay, có mặt.

Người bị hại:

1. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 và vợ là bà Cao Thị B, sinh năm 1962, cùng địa chỉ: Số 47, khu 8, thị trấn T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Bà B ủy quyền cho ông Phạm Văn T tham gia tố tụng; ông Phạm Văn T có mặt, bà B vắng mặt.

2. Anh Đặng Anh T, sinh năm 1980 và vợ là chị Lê Thị A, sinh năm 1981, cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Chị A ủy quyền cho anh Đặng Anh T tham gia tố tụng; anh Đặng Anh T có mặt, chị A vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1955 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 (con của bà V), cùng địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; bà V có mặt, chị H vắng mặt.

4. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Ông Đặng Văn B, sinh năm 1961, địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 18/01/2017, Công an huyện Tiên Lãng nhận được đơn trình báo của ông Phạm Văn T về việc chiều ngày 17/01/2017, gia đình ông bị kẻ gian đột nhập vào nhà trộm cắp tiền trong hòm tôn bán hàng; 30.000.000 đồng và 03 chỉ vàng trong két sắt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Lãng khám nghiệm hiện trường, thu giữ 01 tuốc nơ vít và hình ảnh một đối tượng vào nhà ông T lưu trong camera an ninh của gia đình ông T. Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng phối hợp với Công an xã T, trên cơ sở kết quả nhận dạng của người làm chứng, đã xác định được hình ảnh đối tượng trong camera an ninh của gia đình ông T là Hoàng Ngọc A sinh năm 1998 ở thôn P, xã T, huyện Tiên Lãng. Ngày 18/01/2017, khám xét khẩn cấp nhà ở của Hoàng Ngọc A thu giữ 03 máy ảnh, 01 máy tính bảng, xe mô tô Biển kiểm soát (BKS) 16N6-1443, 01 túi da màu nâu, số tiền 500.000 đồng; cùng ngày, Hoàng Ngọc A bị bắt khẩn cấp.

Quá trình điều tra, Hoàng Ngọc A khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn T như sau: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/01/2017, A đi xe máy, mang theo 01 tuốc nơ vít từ nhà lên thị trấn T tìm nhà dân nào có sơ hở để trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát thấy gia đình ông T không có người ở nhà, cửa chính khóa, A đã trèo qua tường bao phía sau, dùng tay mở cửa vào trong nhà. A dùng tuốc nơ vít cạy hòm tôn lấy tiền; phát hiện chìa khóa két và mật mã mở két ghi trên mặt két sắt, A dùng chìa khóa mở két sắt lấy tài sản bên trong mang về nhà, kiểm đếm thấy số tiền lấy trong két sắt là 20.000.000 đồng, tiền ở hòm tôn là 405.000 đồng, ngoài ra không còn tài sản nào khác. A đã giao nộp cho cơ quan Công an huyện Tiên Lãng 10.405.000 đồng. Ông T và vợ là bà B khai ngoài số tiền 405.000 đồng trong hòm tôn, 20.000.000 đồng trong két sắt; ông bà còn bị mất 03 nhẫn vàng (03 chỉ) loại 24K và mất thêm 10.000.000 đồng trong két sắt. Hội đồng định giá tài sản kết luận, 03 nhẫn vàng 24K của ông T, bà B trị giá 10.020.000 đồng.

Ngoài tài sản của ông T, bà B, A còn khai nhận thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn huyện Tiên Lãng:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ ngày 30/12/2016, A điều khiển xe mô tô BKS 16N6-1443 trên đường 212, phát hiện cửa hàng điện thoại của anh Đặng Anh T (vợ là chị Lê Thị A) ở thôn Đ, xã T, huyện Tiên Lãng đóng cửa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. A trèo lên tầng hai, dùng tay mở cửa phía sau, vào nhà lấy 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tab 2 và nhiều điện thoại di động khác nhau để ở trong tủ trưng bày điện thoại ở tầng 01. Sau đó, A đã bán 02 điện thoại Xphone cho chị Khổng Thị Q, sinh năm 1988 ở thôn N, xã T, huyện Vĩnh Bảo được 200.000

đồng; bán 01 máy tính bảng cho anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1993 ở thôn N, xã T, huyện Vĩnh Bảo được 500.000 đồng; bán 01 điện thoại Nokia 105 cho chị Lê Thị N, sinh năm 1990 ở xã L, huyện Vĩnh Bảo được 250.000 đồng và bán khoảng hơn 10 chiếc điện thoại cho anh Phạm Mạnh H ở xóm 10, xã T, huyện Tiên Lãng được 200.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi được 10 chiếc điện thoại tại cửa hàng của anh H và 01 điện thoại tại cửa hàng của chị Q trả anh T, chị A. Anh T, chị A khai bị mất 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tab 2 và 22 chiếc điện thoại di động các loại; quá trình điều tra đã nhận lại 11 chiếc điện thoại di động. Hội đồng định giá tài sản kết luận, 22 chiếc điện thoại di động các loại và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Tab 2 của vợ chồng anh T, chị A có tổng trị giá 4.410.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 31/12/2016, A để xe máy ở một quán sửa xe, trèo lên mái nhà của bà Nguyễn Thị V, ở thôn K, xã Q, huyện Tiên Lãng rồi trèo sang nhà ông Hoàng Văn N (bên cạnh nhà bà V), dùng gậy phơi quần áo khều được 01 chiếc máy chụp ảnh nhãn hiệu Panasonic DMC-FH5 himix màu đen để trên bàn học trong nhà ông N. Quá trình khám xét khẩn cấp tại nơi ở của A, Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc máy chụp ảnh trên trả ông N. Ông N khai đã nhận lại chiếc máy chụp ảnh nên không yêu cầu bồi thường. Hội đồng định giá tài sản kết luận, 01 chiếc máy chụp ảnh nhãn hiệu Panasonic DMC-FH5 himix màu đen của ông N trị giá 200.000 đồng.

Vụ thứ ba: Cùng ngày 31/12/2016, ngay sau khi trộm cắp tài sản của ông N, A trèo quay lại nhà bà V, dùng tuốc nơ vít tháo ốc cửa xuống cầu thang, đi xuống nhà lấy 02 máy chụp ảnh màu hồng và màu trắng của chị Nguyễn Thị H (con bà V) mang về nhà cất giấu. Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà ở của A 02 máy chụp ảnh nhãn hiệu Sony Cyber – Shot N50 màu hồng và Fuji Filun Instant camera Instax mini 25 màu trắng trả chị Hương. Chị H khai đã nhận lại 02 chiếc máy chụp ảnh trên nên không yêu cầu bồi thường. Bà V khai bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 3. Hội đồng định giá tài sản kết luận, 02 máy chụp ảnh nhãn hiệu Sony Cyber – Shot N50 màu hồng và Fuji Filun Instant camera Instax mini 25 màu trắng của chị H trị giá 700.000 đồng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 3 của bà V trị giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/01/2017, A thấy nhà ông Đặng Văn B, ở K, xã Q, Tiên Lãng khóa cửa, không có ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A dùng tay cậy cửa lách vào nhà lấy 01 máy tính bảng nhãn hiệu Quatab 01 màu hồng, 02 chiếc nhẫn vàng loại 18K, sau đó bán 02 chiếc nhẫn vàng ở cửa hàng của ông Đoàn Văn M tại khu 2, thị trấn Tiên Lãng được 750.000 đồng. Khám xét khẩn cấp nơi ở của A, thu giữ 01 máy tính bảng nhãn hiệu Quatab 01 màu hồng. Quá trình điều tra, ông M khai không nhớ có mua tài sản của bị cáo hay không nên Cơ quan điều tra đã không thu hồi được 02 chiếc nhẫn vàng. Ông B khai, ngoài 01 máy tính bảng, 02 chiếc nhẫn vàng, ông còn bị mất 01 máy quay phim nhãn hiệu Panasonic SDR-H80. Hội đồng định giá tài sản kết luận, 01 máy quay phim nhãn hiệu Panasonic SDR-H80, 01 máy tính bảng nhãn hiệu Quatab 01, 02 nhẫn vàng loại 18K của ông B có tổng trị giá 6.270.000 đồng.

Bị cáo còn khai, số tiền 10.000.000 đồng (trong số 20.000.000 đồng lấy trong két sắt của vợ chồng ông T, bà B), bị cáo đã làm rơi mất; số tiền 1.900.000 đồng có được do bán tài sản trộm cắp, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Chiếc xe mô tô BKS 16N6-1443 bị cáo sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là của bị cáo, do bị cáo mua lại của một người không quen biết tại quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chiếc tuốc nơ vit bị cáo đã sử dụng vào việc trộm cắp tài sản. Chiếc túi đeo vai bằng da và số tiền 500.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị được trả lại.

Quá trình điều tra, bị cáo và những người bị hại đều không có ý kiến gì về giá trị tài sản bị chiếm đoạt đã được Hội đồng định giá đã kết luận tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-ĐG, ngày 20/3/2017.

Tại Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 04/5/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng truy tố Hoàng Ngọc A về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra và thừa nhận: Do không có việc làm ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên trong khoảng thời gian từ cuối tháng 12/2016 đến ngày 17/ 01/2017, bị cáo đã một mình thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản của những người bị hại nêu trên để lấy tiền sinh sống. Bị cáo không biết, không tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông T, bà B.

Những người bị hại, người làm chứng có mặt tại phiên tòa không thay đổi ý kiến. Ông T, bà B (do ông T đại diện) xác nhận, ngày 16/7/2017, mẹ đẻ bị cáo (bà Đoàn Thị G) đã thay mặt bị cáo bồi thường thêm 19.595.000 đồng; vì tổng số tiền ông bà đã được trả và bồi thường bằng 30.000.000 đồng nên ông bà yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp giá trị tài sản còn thiếu là 10.425.000 đồng; đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Anh T, chị A (do anh T đại diện) xác nhận đã nhận lại 11 chiếc điện thoại di động trị giá 310.000 đồng, yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá 11 chiếc điện thoại và 01 máy tính bảng còn thiếu là 4.100.000 đồng. Ông B xác nhận đã nhận lại 01 máy tính bảng trị giá 700.000 đồng, yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá 02 nhẫn vàng và 01 máy quay phim là 5.570.000 đồng. Bà V yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc điện thoại di động là 2.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ giá trị tài sản còn thiếu theo yêu cầu của những người bị hại.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập; có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và những người bị hại về việc bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản còn thiếu cho những

người bị hại (cụ thể: Bồi thường cho vợ chồng anh T, chị A 4.100.000 đồng; bà V 2.000.000 đồng; vợ chồng ông T, bà B 10.425.000 đồng; ông B 5.570.000 đồng).

Vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 tuốc nơ vít; trả lại bị cáo 01 túi đeo vai bằng da và số tiền 500.000 đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

Về số lượng và trị giá tài sản chiếm đoạt:

Lời khai của những người bị hại trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa về số lượng tài sản bị chiếm đoạt phù hợp với nhau, với nội dung đơn trình báo ban đầu của họ; phù hợp với tài sản thu giữ được tại một số cửa hàng điện thoại và nơi ở của bị cáo và mang tính ổn định cao. Trước, sau, vợ chồng ông T, bà B đều thống nhất khẳng định bị mất 30.405.000 đồng và 03 chỉ vàng loại 9999; vợ chồng anh T, chị A khẳng định bị mất 22 chiếc điện thoại di động các loại và 01 máy tính bảng; bà V khẳng định bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 3, chị H khẳng định bị mất 02 máy chụp ảnh; ông B khẳng định bị mất 02 chiếc nhẫn bằng vàng loại 18K, 01 máy quay phim và 01 máy tính bảng.

Đối với 04 vụ trộm cắp tài sản (của ông T, bà B; bà V, chị H; ông B; anh T, chị A), bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt một phần tài sản của những người bị hại; chiếm đoạt số lượng tài sản ít hơn so với nội dung trình báo và lời khai của những người bị hại. Cụ thể, bị cáo khai chỉ lấy của ông T, bà B 405.000 đồng trong hòm tôn, 20.000.000 đồng trong két sắt; không thừa nhận lấy 03 chỉ vàng và lấy thêm 10.000.000 đồng trong két sắt. Bị cáo chỉ lấy của ông B 02 nhẫn vàng loại 18K; 01 máy tính bảng; không thừa nhận lấy 01 máy quay phim. Bị cáo lấy của chị H 02 máy chụp ảnh; không thừa nhận lấy của bà V 01 điện thoại Samsung Galaxy Note 3. Bị cáo chỉ lấy của anh T, chị A khoảng hơn 10 chiếc điện thoại các loại và 01 máy tính bảng. Riêng vụ trộm cắp tài sản của gia đình ông T, bà B; ban đầu bị cáo chỉ thừa nhận lấy 10.000.000 đồng, sau đó lại thay đổi lời khai, xác nhận lấy 20.000.000 đồng trong két sắt. Khi được hỏi về lý do thay đổi lời khai, bị cáo cho rằng, vì sợ trách nhiệm nên khai số lượng tài sản ít đi. Mặt khác, tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại còn thiếu theo yêu cầu của những người bị hại.

Xét thấy, lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm, cách thức, thủ đoạn phạm tội, về việc một mình bị cáo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại và sự thừa nhận một phần của bị cáo về số lượng tài sản chiếm đoạt phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của những người làm chứng và phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Sự phù hợp đó chứng minh, ngoài bị cáo, không có đồng phạm khác và số lượng

tài sản những người bị hại khai bị chiếm đoạt là có căn cứ. Việc định giá tài sản chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/12/2016 đến ngày 17/01/2017, bị cáo đã lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Phạm Văn T, bà Cao Thị B trị giá 40.405.000 đồng; của vợ chồng anh Đặng Anh T, chị Lê Thị A trị giá 4.410.000 đồng; của bà Nguyễn Thị V và chị Nguyễn Thị H trị giá 2.700.000 đồng; của ông Đặng Văn B trị giá 6.270.000 đồng; của ông Hoàng Văn N trị giá 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 54.005.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo thực hiện liên tục 05 vụ trộm cắp tài sản; đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính, nhưng trong đó có 01 vụ trị giá tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng; theo hướng dẫn tại điểm 5.1 khoản 5 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự thì bị cáo không phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "Có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật; làm mất trật tự trị an xã hội và gây dư luận xấu trong nhân dân.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo phần lớn hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo không biết, không tác động gia đình bồi thường thiệt hại nhưng gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông T, bà B; tại phiên tòa, ông T, bà B (do ông T đại diện) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo còn được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản (của vợ chồng ông T, bà B; vợ chồng anh T, chị A; ông B; bà V và chị H) mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới bảo đảm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo không nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả ông N, chị H; ông N, chị H không yêu cầu bồi thường thêm nên không phải giải

quyết. Ngoài ra, Cơ quan điều tra cũng thu giữ được một phần tài sản trả vợ chồng ông T, bà B; vợ chồng anh T, chị A; ông B. Đối với phần tài sản còn thiếu do không thu hồi được và bị cáo chưa bồi thường, cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường. Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của những người bị hại là có căn cứ; sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và những người bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người bị hại, cụ thể như sau: Thiệt hại của ông T, bà B là 40.425.000 đồng, đã được trả và bồi thường 30.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 10.425.000 đồng. Thiệt hại của anh T, chị A là 4.410.000 đồng, đã được trả 11 điện thoại trị giá 310.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 4.100.000 đồng. Thiệt hại của ông B là 6.270.000 đồng, đã được trả 01 máy tính bảng trị giá 700.000 đồng; bị cáo còn phải bồi thường tiếp 5.570.000 đồng. Bị cáo phải bồi thường cho bà V 2.000.000 đồng (trị giá 01 điện thoại di động). Như vậy, tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường cho những người bị hại là 22.095.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, chị Khổng Thị Q, anh Phạm Mạnh H là những người đã mua điện thoại, máy tính bảng của bị cáo, nhưng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bỏ ra mua tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Xét thấy, chiếc tuốc nơ vít là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 500.000 đồng và 01 túi đeo vai bằng da là tài sản của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội; lẽ ra Hội đồng xét xử trả lại bị cáo, song bị cáo còn phải thi hành án khoản tiền bồi thường và án phí nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền, tài sản này để đảm bảo thi hành án. Mặc dù thu lời bất chính 1.900.000 đồng từ việc bán tài sản trộm cắp, song bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho những người bị hại nên Hội đồng xét xử không tịch thu sung quỹ Nhà nước khoản tiền này.

Chiếc xe mô tô BKS 16N6-1443 là phương tiện phạm tội, bị cáo khai mua của người không quen biết ở quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; tuy nhiên quá trình điều tra, xác định được chủ sở hữu xe là chị Hoàng Thị H, sinh năm 1975, ở số nhà 22, đội 48, phường Đ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; chị Hằng khai bị mất trộm xe tại khu vực phường Đ, Quận Ngô Quyền nên Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lãng đã bàn giao xe này cho Công an Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

Trong vụ án này, chị Khổng Thị Q, anh Phạm Mạnh H mua tài sản của bị cáo, nhưng không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có; chị Lê Thị N, anh Nguyễn Đức M, ông Đoàn Văn M không nhớ có mua tài sản của bị cáo hay không, không nhận dạng được bị cáo nên không đủ căn cứ xử lý. Chị Vũ Thị Minh H (vợ bị cáo) không được bị cáo bàn bạc về việc trộm cắp tài sản, không biết và không được sử dụng tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 05% của tổng số tiền còn phải bồi thường cho những người bị hại làm tròn là 1.104.000 đồng (22.095.000 x 05%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Ngọc A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, phạt: Hoàng Ngọc A 33 (Ba mươi ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18/01/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc Hoàng Ngọc A phải tiếp tục bồi thường thiệt hại về tài sản cho:

- Ông Phạm Văn T và bà Cao Thị B 10.425.000 (Mười triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

- Anh Đặng Anh T và chị Lê Thị A 4.100.000 (Bốn triệu một trăm nghìn) đồng.

- Ông Đặng Văn B 5.570.000 (Năm triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị V 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) chiếc tuốc nơ vít;

- Tiếp tục tạm giữ của Hoàng Ngọc A số tiền 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng; 01 (Một) chiếc túi đeo vai bằng da để đảm bảo thi hành án;

Số vật chứng, khoản tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc: Hoàng Ngọc A phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.104.000 (Một triệu một trăm linh tư nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Công an huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Xuyến